



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN
HÔNG HÀ SƠN LA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bán Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-25
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-25

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 17/07/2017
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/07/2017
Ông Nguyễn Xuân Giáp	Thành viên	
Ông Bùi Quý Ba	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Giáp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Nam	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giáp

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được lập ngày 21 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		124.028.893.638	96.755.497.339
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.915.119.587	21.649.208.654
111	1. Tiền		2.915.119.587	1.649.208.654
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.805.843.019	38.418.471.620
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	45.565.548.378	29.699.951.961
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.126.944.641	8.718.519.659
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	113.350.000	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	35.959.994.053	36.417.819.458
141	1. Hàng tồn kho		35.959.994.053	36.417.819.458
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		347.936.979	269.997.607
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	15.943.182
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		347.936.979	254.054.425
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		45.922.481.054	47.602.450.210
220	II. Tài sản cố định		26.798.045.602	29.574.493.712
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	26.798.045.602	29.574.493.712
222	- Nguyên giá		31.409.058.979	31.409.058.979
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.611.013.377)	(1.834.565.267)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.009.538.036	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.009.538.036	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.000.000.000	14.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.000.000.000	14.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.114.897.416	4.027.956.498
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.114.897.416	4.027.956.498
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		169.951.374.692	144.357.947.549

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.012.591.235	98.480.298
310	I. Nợ ngắn hạn		2.012.591.235	98.480.298
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	610.223.459	44.550.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		392.829.740	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	-	25.833.833
314	4. Phải trả người lao động		-	28.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.009.538.036	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		-	96.465
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		167.938.783.457	144.259.467.251
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	167.938.783.457	144.259.467.251
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		126.000.000.000	126.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		126.000.000.000	126.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.938.783.457	18.259.467.251
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		18.259.467.251	733.329.165
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		23.679.316.206	17.526.138.086
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		169.951.374.692	144.357.947.549

Aew

Đỗ Lê Oanh
Người lập

Aew

Đỗ Lê Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Giáp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	221.883.474.340	167.111.627.366
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		221.883.474.340	167.111.627.366
11	4. Giá vốn hàng bán	18	197.160.407.157	148.572.887.879
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.723.067.183	18.538.739.487
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	277.191.820	3.625.684
22	7. Chi phí tài chính	20	630.566	221.790.641
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	221.790.641
25	8. Chi phí bán hàng		423.051.553	349.836.586
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	896.768.841	441.502.993
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.679.808.043	17.529.234.951
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		491.837	3.096.865
40	13. Lợi nhuận khác		(491.837)	(3.096.865)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.679.316.206	17.526.138.086
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.679.316.206</u>	<u>17.526.138.086</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.879	3.067




Đỗ Lê Oanh
Người lập



Đỗ Lê Oanh
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Giáp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.679.316.206	17.526.138.086
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.776.448.110	1.637.697.800
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(277.191.820)	(3.625.684)
06	- Chi phí lãi vay		-	221.790.641
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.178.572.496	19.382.000.843
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(21.367.903.953)	(35.180.403.539)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		457.825.405	(9.036.579.453)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.914.110.937	(13.222.421.032)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(70.997.736)	233.449.839
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(541.540.641)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.111.607.149	(38.365.493.983)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.009.538.036)	(286.454.545)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		163.841.820	3.625.684
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(845.696.216)	(282.828.861)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	67.500.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		-	47.800.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		-	(55.150.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	60.150.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.265.910.933	21.501.677.156

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.649.208.654	147.531.498
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	27.915.119.587	21.649.208.654

Aaw

Aaw



Đỗ Lê Oanh
Người lập

Đỗ Lê Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Giáp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 126.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 126.000.000.000 đồng; tương đương 12.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sắn lát và ngô hạt sấy.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong năm 2017 nhìn chung tăng mạnh so với năm 2016. Điều này xuất phát một phần từ nhu cầu trong nước và một phần từ việc Trung Quốc đã tiếp tục nhập lại gia súc từ Việt Nam thay vì tạm dừng như trong năm 2016. Do đó, các sản phẩm của Công ty là đầu vào cho quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi có lượng tiêu thụ mạnh hơn so với năm trước, góp phần thúc đẩy doanh thu tăng lên tương ứng.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 07 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 02 - 08 năm |

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn kinh tế có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	418.928.865	932.031.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.496.190.722	717.177.433
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	20.000.000.000
	27.915.119.587	21.649.208.654

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,4%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà thành lập và hoạt động tại thành phố Hà Nội với lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà là 46,67%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu	30.284.381.331	5.819.637.706
- Công ty TNHH MTV Nông Sản Lương Sơn	13.024.619.857	10.920.298.500
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Tài Nguyên Đông Dương	1.302.445.428	1.241.981.143
- Công ty Cổ Phần Nông Sản Thực Phẩm Hồng Hà	99.421.112	11.718.034.612
- Các khoản phải thu khách hàng khác	854.680.650	-
	45.565.548.378	29.699.951.961

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư nông nghiệp Agri-Vina	7.825.581.605	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Phương	2.570.175.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Minh Quang	1.009.538.036	-	-	-
Ứng trước tiền thu mua nông sản cho nông dân	2.500.000.000	-	8.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	221.650.000	-	718.519.659	-
	14.126.944.641	-	8.718.519.659	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.350.000	-	-	-
	113.350.000	-	-	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	522.113.129	-	-	-
Thành phẩm	14.772.621.668	-	36.417.819.458	-
Hàng hoá	13.851.082.200	-	-	-
Hàng gửi đi bán	6.814.177.056	-	-	-
	35.959.994.053	-	36.417.819.458	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối năm là giá trị của thiết bị từ điện trị giá 1.009.538.036 đồng đang trong quá trình chạy thử, chưa đưa vào hoạt động.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.994.000.480	21.415.058.499	31.409.058.979
Số dư cuối năm	<u>9.994.000.480</u>	<u>21.415.058.499</u>	<u>31.409.058.979</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	576.282.086	1.258.283.181	1.834.565.267
- Khấu hao trong năm	419.794.036	2.356.654.074	2.776.448.110
Số dư cuối năm	<u>996.076.122</u>	<u>3.614.937.255</u>	<u>4.611.013.377</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.417.718.394	20.156.775.318	29.574.493.712
Tại ngày cuối năm	<u>8.997.924.358</u>	<u>17.800.121.244</u>	<u>26.798.045.602</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.500.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	3.833.123.725	4.027.956.498
Công cụ dụng cụ xuất dùng	281.773.691	-
	<u>4.114.897.416</u>	<u>4.027.956.498</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	605.621.250	605.621.250	-	-
Công ty TNHH Hà Bách	4.602.209	4.602.209	-	-
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân	-	-	22.000.000	22.000.000
Công ty CP Nông Sản Thực Phẩm Hồng Hà	-	-	22.550.000	22.550.000
	<u>610.223.459</u>	<u>610.223.459</u>	<u>44.550.000</u>	<u>44.550.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Chung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	-	25.833.833	-	25.833.833	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	25.833.833	3.000.000	28.833.833	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LABản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh
Son La**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả tại thời điểm cuối năm là số tiền phải trả về chi phí mua sắm thiết bị tủ điện đã nhận bàn giao từ nhà cung cấp.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	733.329.165	12.733.329.165
Tăng vốn trong năm trước (*)	114.000.000.000	-	114.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	17.526.138.086	17.526.138.086
Số dư cuối năm trước	126.000.000.000	18.259.467.251	144.259.467.251
Số dư đầu năm nay	126.000.000.000	18.259.467.251	144.259.467.251
Lãi trong năm nay	-	23.679.316.206	23.679.316.206
Số dư cuối năm nay	126.000.000.000	41.938.783.457	167.938.783.457

(*): Số vốn tăng trong năm trước đã được Công ty sử dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Văn Đức	15,87%	20.000.000.000	15,00%	18.900.000.000
Ông Nguyễn Xuân Giáp	9,92%	12.500.000.000	0,00%	-
Ông Vũ Anh Tuấn	3,81%	4.800.000.000	5,71%	7.200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	3,57%	4.500.000.000	3,10%	3.900.000.000
Ông Phạm Văn Khuê	3,65%	4.600.000.000	5,48%	6.900.000.000
Ông Bùi Quý Ba	1,59%	2.000.000.000	8,57%	10.800.000.000
Ông Phạm Văn Trung	0,00%	-	5,95%	7.500.000.000
Bà Lê Thị Nam	0,16%	200.000.000	5,36%	6.750.000.000
Ông Nguyễn Tiến Nam	3,97%	5.000.000.000	5,24%	6.600.000.000
Cổ đông khác	57,46%	72.400.000.000	45,60%	57.450.000.000
	100%	126.000.000.000	100%	126.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	126.000.000.000	126.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	126.000.000.000	12.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	114.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	126.000.000.000	126.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.600.000	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.600.000	12.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.600.000	12.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	240,29	245,63

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	144.369.708.985	128.987.795.141
Doanh thu bán hàng hóa	77.513.765.355	38.123.832.225
	<u>221.883.474.340</u>	<u>167.111.627.366</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	118.363.483.709	110.339.171.036
Giá vốn của hàng hóa đã bán	76.914.909.575	38.059.602.640
Chi phí trong thời gian ngưng sản xuất theo mùa vụ	1.882.013.873	174.114.203
	<u>197.160.407.157</u>	<u>148.572.887.879</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	277.191.820	3.625.684
	<u>277.191.820</u>	<u>3.625.684</u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	221.790.641
Chi phí tài chính khác	630.566	-
	<u>630.566</u>	<u>221.790.641</u>

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.544.642	46.799.207
Chi phí nhân công	570.079.621	206.562.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.302.508	135.027.299
Thuế, phí, lệ phí	16.607.824	7.944.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.512.000	45.075.538
Chi phí khác bằng tiền	109.722.246	94.700
	<u>896.768.841</u>	<u>441.502.993</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a. Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.679.316.206	17.590.978.268
Các khoản điều chỉnh tăng	324.566.000	13.881
- Chi phí không hợp lệ	324.566.000	13.881
Thu nhập chịu thuế TNDN	24.003.882.206	17.590.992.149
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 10%)	2.400.388.221	1.759.099.215
Thuế TNDN được miễn giảm	(2.400.388.221)	(1.759.099.215)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-
b. Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	(64.840.182)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(64.840.182)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	23.679.316.206	17.526.138.086
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.679.316.206	17.526.138.086
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.600.000	5.714.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.879	3.067

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG SƠN HÀ SƠN LA

Bán Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.879.133.430	129.343.055.170
Chi phí nhân công	840.079.621	756.062.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.776.448.110	1.511.913.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.700.994	333.983.356
Chi phí khác bằng tiền	356.935.892	257.088.837
	104.946.298.047	132.202.103.068

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	27.915.119.587	-	21.649.208.654	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.678.898.378	-	29.699.951.961	-
	73.594.017.965	-	51.349.160.615	-

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	610.223.459	44.646.465
Chi phí phải trả	1.009.538.036	-
	1.619.761.495	44.646.465

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.915.119.587	-	-	27.915.119.587
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.678.898.378	-	-	45.678.898.378
	73.594.017.965	-	-	73.594.017.965
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.649.208.654	-	-	21.649.208.654
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.699.951.961	-	-	29.699.951.961
	51.349.160.615	-	-	51.349.160.615

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	610.223.459	-	-	610.223.459
Chi phí phải trả	1.009.538.036	-	-	1.009.538.036
	1.619.761.495	-	-	1.619.761.495
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	44.646.465	-	-	44.646.465
	44.646.465	-	-	44.646.465

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn:

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất kinh doanh VND	Hoạt động thương mại VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	144.369.708.985	77.513.765.355	221.883.474.340
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.124.211.403	598.855.780	24.723.067.183
Tài sản bộ phận trực tiếp	48.906.957.455	13.851.082.200	62.758.039.655
Tài sản không phân bổ	-	-	107.193.335.037
Tổng tài sản	48.906.957.455	13.851.082.200	169.951.374.692
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2.012.591.235
Tổng nợ phải trả	-	-	2.012.591.235

Theo khu vực địa lý

Do Công ty chủ yếu hoạt động trong trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
		VND	VND
Nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	82.100.000.000
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	-	38.800.000.000
Ông Phạm Văn Trung (*)	Thành viên HĐQT	-	27.700.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	-	15.600.000.000
Nhận chuyển nhượng vốn góp từ cổ đông khác		-	5.400.000.000
Ông Phạm Văn Trung (*)	Thành viên HĐQT	-	5.400.000.000
Mua hàng hóa, vật tư		5.228.268.750	-
Công ty CP DV Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	Công ty liên kết	5.228.268.750	-

(*): Ông Phạm Văn Trung miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 17/07/2017. Trong năm 2017, Ông đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào Công ty cho các cổ đông khác (chi tiết tại thuyết minh số 14).

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	307.500.000	184.000.000
<i>Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc</i>	<i>85.000.000</i>	<i>37.000.000</i>

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Lê Oanh
Người lập



Đỗ Lê Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Giáp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 03 năm 2018